

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-PT
Ngày: 28-6-2024
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Tất Thái – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 86/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 300/TB-TA ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1972; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm: 1962; địa chỉ liên hệ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2402, quyền số 05/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 28/5/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Lâm Văn T2, sinh năm 1971, bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; ông T2 có mặt, bà S có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vợ chồng anh Trần Văn Đ, sinh năm: 1996, chị Lâm Thị Thúy K, sinh năm: 2000; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; anh Đ có mặt, chị K có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1964, bà Phạm Thị T3, sinh năm: 1965; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; ông A có mặt, bà K vắng mặt.

3. Vợ chồng anh Nguyễn Khắc T4, sinh năm: 1992, chị Đinh Thị Hoài L, sinh năm: 1994; cư trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; anh T4 có mặt, chị L vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Khắc T4, sinh năm: 1992; cư trú tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền số 13, quyền số 01/2024/TP/CC-SCT/CK,CD do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L chứng thực ngày 18/3/2024); có mặt.

4. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh A1, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 33/UQ-UBND ngày 14/3/2023), vắng mặt.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần Á; địa chỉ: số D, đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Ngọc H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1901/UQ-QLN.23 ngày 04/10/2023), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 28/6/2022, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Hoàng Thị T thì:

Nguồn gốc của lô đất có diện tích 128m² thuộc thửa 515; tờ bản đồ số 27 tọa tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng do bà nhận chuyển nhượng của ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1 vào năm 2010 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 254366 ngày 01/7/2005 đứng tên ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1 (đã được cập nhật điều chỉnh trang 4 đứng tên bà ngày 28/10/2010).

Giáp ranh với đất nhà bà là lô đất có diện tích 384m² thuộc thửa 516; tờ bản đồ số 27 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng của ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S. Trước khi gia đình ông T2, bà S xây nhà vào năm 2021 thì bà có nói với gia đình bị đơn là đất nhà bà còn khoảng 02m chiều ngang mặt tiền, kéo dài 30m về phía sau còn 01 m; phía mặt tiền bà đã làm sân xi măng và trồng cây xanh, xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2017 đến nay. Khi gia đình ông T2, bà S xây dựng nhà đã có tình lấp một phần sân, chặt cây xanh để lấn chiếm một phần diện tích đất của bà. Việc tranh chấp bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P, huyện L xác minh và hòa giải nhưng không thành.

Đến nay các bên không thể thương lượng với nhau về nội dung tranh chấp. Do đó bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S phải trả lại cho bà toàn bộ diện tích đã lấn chiếm là 25m² thuộc một phần thửa 515, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S thì:

Gia đình ông, bà và bà Hoàng Thị T có đất liền kề nhau. Nguồn gốc của lô đất thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 27 có diện tích 384m² tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị T3 vào năm 2005 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 254367 ngày 01/7/2005 đứng tên vợ chồng ông, bà. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông, bà đã sử dụng ổn định từ đó đến nay; năm 2021 khi vợ chồng ông, bà xây dựng nhà cho con đã làm đúng cột mốc mà ông A, bà T3 đã đóng cọc ranh giới với bà T. Năm 2018 bà T xây dựng nhà ở và đã nhổ cọc mốc để xây dựng. Vợ chồng ông, bà khẳng định đã xây dựng đúng phần diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn chiếm đất của bà T.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng là 25m² thuộc một phần thửa 515, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì vợ chồng ông, bà không đồng ý.

- Theo lời trình bày của vợ chồng anh Trần Văn Đ, chị Lâm Thị Thúy Kiều t thì: vợ chồng anh, chị đang quản lý diện tích đất đang tranh chấp nói trên; đất do cha, mẹ (vợ chồng ông T2, bà S) cho mượn, vợ chồng anh, chị thống nhất với ý kiến của cha, mẹ và không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của vợ chồng anh Nguyễn Khắc T4, chị Đinh Thị Hoài L thì: vợ chồng anh, chị là con trai và con dâu của bà Hoàng Thị T; vợ chồng anh, chị đang kinh doanh cà phê và ở cùng bà Hoàng Thị T, vợ chồng anh, chị thống nhất với ý kiến của bà T và không có ý kiến gì hay yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị T3 thì: Nguồn gốc diện tích đất tại thửa 515, 516 tờ bản đồ số 27 tại xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là của vợ chồng ông, bà. Vào năm 2005 vợ chồng ông, bà có chuyển nhượng cho ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1 diện tích đất có chiều ngang 06m và chiều dài khoảng 30m và chuyển nhượng cho ông Lâm Văn T2 chiều ngang 16m; chiều dài khoảng 30m. Khi chuyển nhượng thì vợ chồng ông, bà đều có mời địa chính xã xuống đo đạc, cắm mốc ranh giới, làm thủ tục chuyển nhượng đúng quy định pháp luật và các bên đã sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Sau đó ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T cũng đã xây dựng nhà ở ổn định từ thời gian đó cho đến nay. Nay liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T với vợ chồng ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S thì vợ chồng ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; vợ chồng ông, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo lời trình bày của anh Đinh Ngọc H, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Á (sau đây gọi tắt là A2), thì: Ngày 10/12/2021 vợ chồng ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S đã thế chấp toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 516 (diện tích 360m²) tờ bản đồ 27 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cho A2 theo hợp đồng thế chấp số LAH.BĐCN.296.091221 để vay số tiền 1.030.000.000đ. Quá trình vay vốn thì vợ chồng ông T2, bà S đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho A2 theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Nay liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T với vợ chồng ông T2, bà S thì A2 cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Minh A1, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng, thì: Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 515 tờ đồ 27, xã P, huyện L cho ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1 và trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất trên từ ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị T3 cho ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1; trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 516 tờ đồ 27, xã P, huyện L cho ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S và trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất trên từ ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị T3 cho ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 12/2024/DS-ST ngày 19/3/2024; Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S trả lại diện tích đất là 25m² thuộc một phần thửa 515, tờ bản đồ số 27 đất tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/3/2024 bà Hoàng Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bà Hoàng Thị T, nguyên đơn và ông Đỗ Văn T1, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Vợ chồng ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị T, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét kháng cáo của bà Hoàng Thị T thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Xét về nguồn gốc đất thì các lô đất thuộc thửa 515 và 516, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại xã P, huyện L trước đây thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn A, bà Phạm Thị T3. Năm 2005 vợ chồng ông A, bà T3 chuyển nhượng thửa 515 cho ông Tạ Văn N, bà Phạm Thị S1 và chuyển nhượng thửa 516 cho ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S.

Năm 2010 ông N, bà S1 chuyển nhượng thửa 515 cho ông Nguyễn Khắc T5, bà Hoàng Thị T. Quá trình sử dụng đất thì hai bên đương sự đều xác định không có tranh chấp. Vào ngày 13/4/2021 giữa bà T, bà T3, ông A và ông T2 lập giấy thỏa thuận giữ nguyên hiện trạng đất xây dựng giữa ba nhà, theo đó phần đất của hộ bà T và ông T2 có sai ở phần cuối đất thì các hộ thống nhất giữ nguyên hiện trạng như các bên đã xây dựng (bút lục 36).

Xét thấy, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà T và hộ ông T2 thì thửa 515 có diện tích là 128m² và thửa 516 có diện tích là 384m². Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 10/5/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn A3 và họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 30/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì diện tích đất mà các bên tranh chấp thuộc thửa 516 được cơ quan có thẩm quyền cấp cho bị đơn; cũng theo họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 30/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì hộ bà T sử dụng diện tích đất là 238m², trong đó có 89m² thuộc đất lộ giới; diện tích đất hộ ông T2, bà S sử dụng là 750m², trong đó có 240m² thuộc đất lộ giới; diện tích đất tranh chấp là 65m² thuộc 1 phần thửa 516, trong đó có 27m² thuộc đất lộ giới. Đất lộ giới theo họa đồ tương ứng với từng thửa đất được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T2 và hộ bà T và có chiều dài là 15m tính từ tim đường. Như vậy diện tích đất của hộ bà T và hộ ông T2 đang sử dụng đều nhiều hơn so với diện tích đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông A, bà T3 cũng khẳng định khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ ông N thì chỉ chuyển nhượng 06m chiều ngang, chiều dài khoảng 30m đến giáp hồ P; chuyển nhượng cho ông T2 16m chiều ngang, chiều dài khoảng 30m đến giáp hồ P. Theo họa đồ đo đạc ngày 30/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì chiều ngang lô đất mà hộ bà T đang sử dụng tại phần tiếp giáp đường nhựa là 06m; chiều ngang lô đất mà hộ ông T2 đang sử dụng tại phần tiếp giáp đường nhựa là 16m. Do đó, trên thực tế diện tích đất hộ bà T và hộ ông T2 đang sử dụng đúng như thỏa thuận chuyển nhượng với hộ ông A, bà T6.

[2.3] Bà T cho rằng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông N, bà S 1 08m chiều ngang nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh trong khi đó bị đơn xuất trình 02 giấy đặt cọc tiền đất giữa ông T2 với vợ chồng ông A, bà T3 và đều thể hiện diện tích đất mà ông T2 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông A, bà T6 là 16m ngang, có ông Tạ Văn N ký người làm chứng. Hơn nữa, bà T cũng thừa nhận khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông N, bà S1 thì hai bên có chỉ ranh giới và cắm mốc chứ không nhận chuyển nhượng theo mét ngang mặt đường nên bà không biết là 06m hay 08m, đồng thời bà T là người xây nhà trước vợ chồng ông T2, bà S; bị đơn cũng khẳng định ranh giới giữa hai nhà ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp, sau khi ba nhà cùng lập biên bản thỏa thuận vào ngày 13/4/2021 thì gia đình ông, bà vẫn giữ nguyên hiện trạng như cũ, khi vợ chồng ông, bà xây bức tường phía sau cao lên chắn tầm nhìn ra hồ P của hộ bà T thì bà T không đồng ý nên vợ chồng ông, bà đã đập bỏ nên hiện trạng hiện nay vẫn như lúc ba nhà đã thỏa thuận.

Do đó, việc bà T cho rằng vợ chồng ông T2, bà S lấn chiếm đất là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, không ghi ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát vào Bản án thì thấy rằng: tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng đã xác định Bản án sơ thẩm cũng đã thể hiện ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa; hồ sơ vụ án cũng đã lưu bài phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà nên lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng và toàn diện nội dung vụ án; bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ cung cấp tại giai đoạn sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Phân quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị bị đơn phải trả lại 25m²; theo họa đồ đo vẽ thì phần đất tranh chấp thuộc thửa 516; cấp sơ thẩm ghi thửa 515 là có sự nhầm lẫn nên cần điều chỉnh lại.

[5] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu 16.574.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn T2, bà Nguyễn Thị S trả lại diện tích đất 25m² thuộc một phần thửa 516, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị T phải chịu 16.574.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (đã tạm nộp và được Tòa án cấp sơ thẩm quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 21.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003538 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà T được nhận lại 20.700.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

- Án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004586 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01);
- Các đương sự (07);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch